

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2019/HS-ST

Ngày: 28 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Dũng.

Ông Phùng Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 175/2019/TLST- HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2019/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Thế A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1979 tại Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 16, ngách 120/71, phố V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thế U (đã chết) và bà Phạm Thị N vợ: Lê Thị H; con: Có 02 con; con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Bản án số 694/HSPT ngày 18/5/1996, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm về tội Cướp tài sản của công dân (không coi là có án tích do thời điểm phạm tội bị cáo dưới 16 tuổi); bản án số 105/2010/HSST ngày 15/4/2010, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 17/10/2011 chấp hành xong án phạt tù (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2019, tạm giam ngày 23/7/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. Có mặt.

2. Đặng Thùy D, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1989 tại Hà Nội.

Chỗ ở: Số 33B, ngõ 357, phố B, phường B, quận H thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quốc H và bà Lê Thị Phương L; chồng: Bùi Việt A; con: Có 01 con sinh năm 2005; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Quyết định số 201/QĐ-CTUBND ngày 15/01/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng (đã chấp hành xong); bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2019, tạm giam ngày 23/7/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. Có mặt.

3. Nguyễn Nam H, sinh ngày 03 tháng 01 năm 1979 tại Bắc Giang.

Nơi cư trú: Số 55, ngách 01/02/05, phố H, tổ 01, phường T, quận L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị G; vợ: Trần Thị Hồng A; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1999; con nhỏ sinh năm 2005; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Bản án số 37/HSST ngày 26/4/1996, Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích); bản án số 76/HSST ngày 12/4/1999 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tây xử phạt cảnh cáo về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. Có mặt.

4. Trần Văn D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1978 tại Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 14/670/96, đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Đinh Thị D; vợ: Nguyễn Bích N; con: Có 03, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Bản án số 106/HSST ngày 19/7/1997, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội Cướp giật tài sản và tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bản án số 105/HSST ngày 28/9/1999 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (không coi là có án tích do tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng); bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2019, tạm giam ngày 23/7/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Bé Kim C, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 7, ngõ 8B, đường L, khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Tuấn Đ, sinh 15/11/2002. Có mặt.

Người đại diện: Bà Lê Bích C (bà ngoại).

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Chị Trương Thị N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 1, ngõ 5B, đường L, khối 6, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Anh Vũ Quang T, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

7. Anh Lương Hoàng L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 25, ngõ 3, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Trương Diệp P, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số 1, ngõ 5B, đường L, khối 6, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Kim Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Anh Phạm Đình H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1990.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở: Số 26, phố T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Nam H, Trần Văn D và Đặng Thùy D không có nghề nghiệp, thường sử dụng trái phép chất ma túy và dùng tiền thu lợi từ việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính của bản thân. Các bị cáo cùng bàn bạc thống nhất việc trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn nhiều tỉnh thành trong cả nước. Từ ngày 29/5/2019 đến ngày 20/7/2019 Trần Thế A, Nguyễn Nam H, Trần Văn D và Đặng Thùy D đã cùng nhau thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 29/5/2019, Trần Thế A điều khiển xe ô tô nhãn hiệu SuZuki màu trắng, biển kiểm soát 29D -019.85 chở Nguyễn Nam H đi từ thành phố Hà Nội theo tuyến Quốc lộ 1A đến thành phố L để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực đường L, thấy nhà chị Bé Kim C ở số 7, ngõ 8B, đường L, phường V thành phố L khóa cửa, trước cửa nhà dựng 01 xe mô tô hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 12P1- 052.35. Quan sát không có người trông giữ, Nguyễn Nam H dùng kim thủy lực cắt khóa chữ U ở bánh sau xe mô tô rồi cùng Trần Thế A dắt xe lên ô tô cất

giấu; sau đó cả hai cùng lên xe ô tô do Trần Thế A điều khiển đi quanh thành phố L để tiếp tục trộm cắp tài sản.

Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày 29/5/2019 Trần Thế A điều khiển xe ô tô hiệu SuZuki màu trắng, biển kiểm soát 29D - 019.85 đến khu vực đường T, thấy 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu MoBike màu vàng của anh Nguyễn Tuấn Đ dựng trước cửa nhà số 203, đường T, phường T, thành phố L không có người trông giữ. Nguyễn Nam H dắt xe máy điện cùng Trần Thế A cho lên xe ô tô rồi vận chuyển xe máy điện và xe mô tô trộm cắp được ở vụ thứ nhất về thành phố Hà Nội tiêu thụ. Trần Thế A bán xe mô tô biển kiểm soát 12P1 - 052.35 được 6.000.000 đồng, xe máy điện được 1.000.000 đồng, Trần Thế A cầm 4.500.000 đồng, chia cho Nguyễn Nam H 2.500.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 29/6/2019, Trần Thế A điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Suzuki màu trắng, biển kiểm soát 29D - 636.59 chở Nguyễn Nam H đi từ thành phố Hà Nội lên thành phố L. Khi đến Quốc lộ 1A thấy nhà chị Đinh Thị H ở thôn K, xã M, thành phố L khóa cổng, trong sân dựng 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 12P1- 164.28 và 01 xe máy điện nhãn hiệu Nijia, Nguyễn Nam H cầm kim thủy lực cắt khóa cổng rồi cùng Trần Thế A đi vào sân lấy trộm xe mô tô và xe máy điện cho lên xe ô tô cất giấu, sau đó cả hai cùng nhau lên xe ô tô do Trần Thế A điều khiển đi quanh thành phố L để tiếp tục trộm cắp tài sản.

Vụ thứ tư: Khoảng 04 giờ cùng ngày 29/6/2019, Trần Thế A điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Suzuki màu trắng, biển kiểm soát 29D - 636.59 chở Nguyễn Nam H đến khu vực thôn M, thấy nhà chị Hoàng Thị Thu H ở thôn M, xã M, thành phố L khóa cổng, trong sân dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 12P1- 037.91, Nguyễn Nam H dùng kim thủy lực cắt khóa cổng, Trần Thế A đi vào dắt chiếc xe mô tô đi ra rồi cùng Nguyễn Nam H cho xe lên xe ô tô vận chuyển cùng 02 xe trộm cắp được ở vụ thứ ba về thành phố Hà Nội tiêu thụ. Trần Thế A bán xe mô tô biển kiểm soát 12P1- 164.28 được 6.000.000 đồng, xe máy điện được 1.000.000 đồng và xe mô tô biển kiểm soát 12P1- 137.91 được 3.000.000 đồng; Trần Thế A cầm 7.000.000 đồng, chia cho Nguyễn Nam H 3.000.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 02 giờ ngày 20/7/2019, Trần Thế A điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, Porte II, biển kiểm soát 30U-9451 chở Trần Văn D và Đặng Thùy D đi từ thành phố Hà Nội đến thành phố L để trộm cắp tài sản. Khi đến ngõ 5B, đường L, thấy nhà chị Trương Thị N ở số 1, ngõ 5B, đường L, phường V, thành phố L khóa cổng, trong sân dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter FI, biển kiểm soát 12P1- 224.23 và 01 xe máy điện nhãn hiệu 133S. Lúc này, Đặng Thùy D ngồi trong cabin xe ô tô 30U- 9451 cảnh giới, Trần Thế A dùng kim thủy lực cắt khóa cổng rồi cùng Trần Văn D dắt xe mô tô, xe máy điện đưa lên thùng xe ô tô. Cả nhóm lên xe ô tô đi quanh thành phố L để tiếp tục trộm cắp tài sản.

Vụ thứ sáu: Khoảng 03 giờ ngày 20/7/2019, Trần Thế A điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, Porte II, biển kiểm soát 30U - 9451 chở Trần Văn D và Đặng Thùy D đi trên đường L, phường V, thành phố L thấy xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 12C1-060.74 của anh Vũ Quang T đỗ trước cửa số nhà 41 không có

người trông giữ. Trần Văn D xuống xe ô tô dùng tô vít cạy lấy trộm 01 Lô gô có gắn Cammera lùi trên xe ô tô của anh Vũ Quang T rồi đem để trong ca bin xe ô tô biển kiểm soát 30U- 9451. Sau đó Trần Thế A điều khiển xe ô tô cùng cả nhóm đi quanh thành phố L để tiếp tục trộm cắp tài sản.

Vụ thứ bảy: Sau khi thực hiện xong vụ trộm thứ sáu, khoảng 04 giờ cùng ngày 20/7/2019, Trần Thế A điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, Porte II, biển kiểm soát 30U- 9451 chở Trần Văn D và Đặng Thùy D đi đến đường P, thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150I, biển kiểm soát 12P1- 199.91 của anh Lương Hoàng L dựng trước cửa số nhà 79, đường P, phường H, thành phố L không có người trông giữ. Đặng Thùy D ngồi trong ca bin xe ô tô cạnh giới, Trần Thế A đi đến dùng chân đạp vào tay lái xe, phá ổ khóa điện và cùng Trần Văn D đưa lên thùng xe ô tô biển kiểm soát 30U - 9451. Trần Thế A điều khiển xe ô tô chở Đặng Thùy D, Trần Văn D cùng các tài sản trộm cắp được về thành phố Hà Nội tiêu thụ. Khi đi đến khu vực xã M, thành phố L, thì bị Tổ công tác Công an thành phố L phát hiện, truy đuổi và yêu cầu các đối tượng về trụ sở Công an thành phố L lập biên bản sự việc. Thu giữ: 01 xe ô tô biển kiểm soát 30U - 9451, 01 xe máy điện nhãn hiệu 133S, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamahajupiter FI, biển kiểm soát 12P1 - 224.23; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 12P1- 199.91, 01 Lô gô có gắn mắt Cammera lùi, nhãn hiệu Ford ranger, 03 kìm cộng lực, 01 kìm thủy lực, 01 cửa sắt và 01 tô vít. Thu giữ tại bề mặt Taplo trong cabin xe ô tô biển kiểm soát 30U- 9451: 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng, 01 túi nilon chứa chất bột màu trắng.

Tại kết luận giám định số 297/KL- PC 09 ngày 27/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon thu giữ trên xe ô tô biển kiểm soát 30U – 9451 là chất ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,086 gam.

- Chất bột màu trắng trong 01 túi nilon thu giữ trên xe ô tô biển kiểm soát 30U - 9451 là chất ma túy Heroine có khối lượng 0,832 gam.

Tại biên bản định giá tài sản tố tụng hình sự số 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140 cùng ngày 20/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố L xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter FI, biển kiểm soát 12P1- 224.23 và 01 ổ khóa cổ xe biển kiểm soát 12P1- 2245 trị giá 23.200.000 đồng. Xe mô tô hiệu Honda SH 150i, biển kiểm soát 12P1-199.91 trị giá 89.600.000 đồng. Xe mô tô nhãn hiệu HondaLead, biển kiểm soát 12P1 - 164.28 trị giá 30.100.000 đồng. Xe mô tô nhãn hiệu HondaLead, biển kiểm soát 12P1- 052.35 trị giá 19.900.000 đồng. Xe mô tô nhãn hiệu Hondawave, biển kiểm soát 12P1- 037.91 trị giá 5.300.000 đồng. Xe máy điện nhãn hiệu 133S trị giá 3.150.000 đồng. Xe máy điện nhãn hiệu mô tô MoBiker, trị giá 7.000.000 đồng. 03 ổ khóa nhãn hiệu Viettiep trị giá 250.000 đồng. Xe đạp điện nhãn hiệu Nija trị giá 4.800.000 đồng. 01 chốt cửa trị giá 50.000 đồng. 01 Lô gô gắn mắt Camera lùi nhãn hiệu Ford trị giá 3.600.000 đồng.

Ngày 20/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Thế A, Trần Văn D và Đặng Thùy D. Ngày 26/7/2019 thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Nam H.

Quá trình điều tra, Trần Thế A khai bán các xe mô tô và xe đạp điện trộm cắp trong ngày 29/5/2019 và ngày 29/6/2019 cho người đàn ông tên Thành, sử dụng số thuê bao 0838596858. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh chủ sở hữu thuê bao trên là Nguyễn Thế T, sinh năm 1962, trú tại: Khu 3, thị trấn P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Trần Thế A nhận dạng qua ảnh đối với Nguyễn Thế T nhưng Trần Thế A xác định không phải là người mua xe mô tô trộm cắp với Trần Thế A. Do vậy, Cơ quan điều tra không làm rõ được lai lịch người đàn ông tên T để xác minh xử lý trong vụ án và thu hồi tài sản các bị cáo đã trộm cắp.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, quá trình điều tra xác định: Khoảng 21 giờ ngày 19/7/2019 tại khu vực đê T, quận H, thành phố Hà Nội, trong lúc chờ Trần Văn D cùng lên thành phố L để trộm cắp tài sản, Trần Thế A đưa cho Đặng Thùy D 1.800.000 đồng để mua ma túy sử dụng. Đặng Thùy D đến khu vực chợ L, quận H, thành phố Hà Nội mua với một người đàn ông không rõ lai lịch 02 gói ma túy gồm 01 gói ma túy Heroine và 01 gói ma túy đá giá 1.800.000 đồng rồi quay lại khu vực đê T đưa ma túy vừa mua được cho Trần Thế A. Trần Thế A cho 02 gói ma túy vào túi quần bên phải đang mặc, lúc này Trần Văn D đã ngồi trên xe, cả nhóm đi lên thành phố L để trộm cắp tài sản. Trên đường đi, Trần Thế A lấy ma túy ra sử dụng; Trần Thế A lấy một phần ma túy Heroine để hít, Trần Văn D lấy một ít ma túy Heroine dùng xilanh để chích, Đặng Thùy D sử dụng ma túy đá. Số ma túy còn lại, Trần Thế A để trên mặt Taplô ca bin xe tải biển kiểm soát 30U - 9451. Số ma túy này đã bị thu giữ cùng tang vật vụ trộm cắp tài sản. Ngày 01/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Trần Thế A và Đặng Thùy D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tổng trị giá tài sản mà Trần Thế A và Nguyễn Nam H đã chiếm đoạt của các bị hại ngày 29/5/2019 và ngày 29/6/2019 là 67.100.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà Trần Thế A, Trần Văn D và Đặng Thùy D đã chiếm đoạt của các bị hại ngày 20/7/2019 là 119.550.000 đồng.

Tại cáo trạng số 176/KSĐT ngày 02 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Thế A về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Thùy D về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Nam H, Trần Văn D về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Nam H, Trần Văn D và Đặng Thùy D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Các bị hại Bé Kim C, Nguyễn Tuấn Đ, Hoàng Thị Thu H, Đinh Thị H và Vũ Quang T đề nghị buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản. Các bị hại Trương Thị N, Lương Hoàng L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trương Diệp P, anh Nguyễn Kim Q, anh Phạm Đình H anh Nguyễn Trọng Đ và anh Nguyễn Trọng Q không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Nam H, Trần Văn D và Đặng Thùy D phạm tội Trộm cắp tài sản; bị cáo Trần Thế A và Đặng Thùy D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; Điều 55; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thế A từ 05 đến 06 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; 18 đến 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hình phạt chung cho cả 02 tội từ 06 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; Điều 55; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Thùy D từ 03 đến 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; 15 đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hình phạt chung cho cả 02 tội từ 04 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Nam H từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì các bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo Trần Thế A và Nguyễn Nam H liên đới bồi thường cho chị Bé Kim C trị giá chiếc xe mô tô hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 12P1- 052.35 số tiền 19.900.000 đồng; anh Nguyễn Tuấn Đ trị giá chiếc xe máy điện nhãn hiệu mô tô MoBike số tiền 7.000.000 đồng; chị Hoàng Thị Thu H trị giá chiếc xe mô tô hiệu Hondawave, biển kiểm soát 12P1- 037.91 trị giá 5.300.000 đồng; chị Đình Thị H trị giá chiếc xe mô tô hiệu HondaLead biển kiểm soát 12P1- 164.28 số tiền 30.100.000 đồng và chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Nija số tiền 4.800.000 đồng; Buộc các bị cáo Trần Thế A, Trần Văn D và Đặng Thùy D liên đới bồi thường cho anh Vũ Quang T trị giá chiếc lô gô gắn mắt Camera lùi nhãn hiệu Ford số tiền 3.600.000 đồng. Xác nhận các bị hại Trương Thị N, Lương Hoàng L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy đối với vật chứng là công cụ phạm tội và số ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 03 điện thoại di động (01 chiếc NOKIA 6300 của Trần Văn D, 01 chiếc SAMSUNG GALAXY A7 của Trần Thế A, 01 chiếc IPHONE 6 của Đặng Thùy D) đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Trả lại cho Đặng Thùy D 01 điện thoại di động hiệu

SAMSUNG MODEL GT-C35290 và Trần Văn D số tiền 1.420.000 đồng, nhưng tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án. Tịch thu đối với Trần Thế A số tiền 2.958.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định: Trong ngày 29/5/2019 và ngày 29/6/2019, Trần Thế A và Nguyễn Nam H đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 12P1- 052.35 của chị Bé Kim C; 01 xe máy điện nhãn hiệu MoBike của anh Nguyễn Tuấn Đ; 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 12P1-164.28 và 01 xe máy điện nhãn hiệu Nijia của chị Đinh Thị H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 12P1- 037.91 của chị Hoàng Thị Thu H. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 67.100.000 đồng. Ngày 20/7/2019, Trần Thế A, Trần Văn D và Đặng Thùy D đã thực hiện hành vi trộm cắp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter FI, biển kiểm soát 12P1- 224.23 và 01 xe máy điện nhãn hiệu 133S của chị Trương Thị N; 01 Lô gô có gắn Cammera lùi của anh Vũ Quang Trung và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150I, biển kiểm soát 12P1 -199.91 của anh Lương Hoàng L. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 119.550.000 đồng. Cùng ngày 20/7/2019, trong lúc nhóm của Trần Thế A vận chuyển xe trộm cắp về thành phố Hà Nội tiêu thụ thì bị Tổ công tác Công an thành phố L phát hiện, truy đuổi. Tiến hành kiểm tra lập biên bản sự việc, thu giữ tại bề mặt Taplo trên cabin xe ô tô biển kiểm soát 30U- 9451 do Trần Thế A điều khiển: 0,086 gam chất ma túy Methamphetamine và 0,832 gam chất ma túy Heroine, quá trình điều tra làm rõ ma túy trên do Trần Thế A bỏ tiền đưa cho Đặng Thùy D mua với một người đàn ông không rõ lai lịch tại thành phố Hà Nội, mục đích để sử dụng. Trần Thế A, Đặng Thùy D cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy bị thu giữ. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thế A phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Thùy D phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Nam H, Trần Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 176/KSĐT ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Ngoài ra các bị cáo còn nhận thức rõ ma túy là chất gây nghiện, có tác hại

ng nghiêm trọng đến sức khỏe, tiêu tốn về kinh tế; ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc tàng trữ. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật.

[3] Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[4] Xét tính chất của vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm, các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thường sử dụng trái phép chất ma túy, có sự bàn bạc thống nhất việc trộm cắp tài sản trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố; thủ đoạn phạm tội là lợi dụng thời điểm đêm muộn vắng người qua lại. Trong đó bị cáo Trần Thế A giữ vai trò chính, là người chọn địa bàn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chuẩn bị xe ô tô, chuẩn bị kim thủy lực, cưa sắt, bộ vạm phá khóa, tuốc nơ vít, thang và bỏ tiền lo chi phí đi lại trên đường. Sau khi trộm cắp được tài sản, Trần Thế A là người đem đi tiêu thụ và chia tiền cho những người còn lại. Bị cáo dùng tiền thu lợi từ việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính của bản thân. Ngoài ra Trần Thế A còn cùng Nguyễn Nam H và Trần Văn D thực hiện việc cắt, phá khóa, di chuyển tài sản trộm cắp được lên xe ô tô. Bị cáo Đặng Thùy D giữ vai trò là người cảnh giới, thông báo cho cả nhóm khi phát hiện người lạ.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Trần Thế A: Không có tiền án, tiền sự; về nhân thân: Tại bản án số 694/HSPT ngày 18/5/1996, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm về tội Cướp tài sản của công dân (không coi là có án tích do thời điểm phạm tội bị cáo dưới 16 tuổi); bản án số 105/2010/HSST ngày 15/4/2010, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 17/10/2011 chấp hành xong án phạt tù (đã được xóa án tích); điều đó cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu là đối tượng khó giáo dục, cải tạo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bố đẻ là ông Trần Văn U có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba. Khi quyết định hình phạt cho bị cáo hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và 01 tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu, giữ vai trò chính trong các vụ trộm cắp tài sản, nên bị cáo phải chịu mức án cao nhất. Đối với bị cáo Nguyễn Nam H: Không có tiền án, tiền sự; về nhân thân: Tại bản án số 37/HSST ngày 26/4/1996, Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Cố ý gây thương tích. (đã được xóa án tích); bản án số 76/HSST ngày 12/4/1999 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tây xử phạt cảnh cáo về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích), điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu là đối tượng khó giáo dục, cải tạo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trước khi phạm tội, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, được Bộ Văn hóa ghi nhận; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T có công, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến và Huân chương Lao động hạng Nhì. Khi quyết định hình phạt cho bị cáo hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 và 01 tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người tham gia tích cực

và nhiều lần, nên chịu mức án thấp hơn bị cáo Trần Thế A nhưng cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với bị cáo Đặng Thùy D: Không có tiền án, tiền sự; về nhân thân: Tại Quyết định số 201/QĐ-CTUBND ngày 15/01/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng (đã chấp hành xong). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khi quyết định hình phạt cho bị cáo hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trần Văn D: Không có tiền án, tiền sự; về nhân thân: Tại bản án số 106/HSST ngày 19/7/1997, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội Cướp giật tài sản và tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bản án số 105/HSST ngày 28/9/1999 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (không coi là án tích đối với bị cáo do tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khi quyết định hình phạt cho bị cáo hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 7/2019 các bị cáo đã thực hiện liên tiếp 07 lần trộm cắp tài sản, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, yếu tố về nhân thân, Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo; nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh xác định các bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản và khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại Bé Kim C, Nguyễn Tuấn Đ, Hoàng Thị Thu H, Đinh Thị H và Vũ Quang T đề nghị buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản. Cụ thể: Bị cáo Trần Thế A và Nguyễn Nam H phải liên đới bồi thường cho chị Bé Kim C trị giá chiếc xe mô tô hiệu HondaLead, biển kiểm soát 12P1-052.35 số tiền 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Tuấn Đ trị giá chiếc xe máy điện nhãn hiệu MoBike số tiền 7.000.000 đồng; chị Hoàng Thị Thu H trị giá chiếc xe mô tô hiệu Hondawave, biển kiểm soát 12P1- 037.91 trị giá 5.300.000 đồng; chị Đinh Thị H trị giá chiếc xe mô tô hiệu Honda Lead biển kiểm soát 12P1- 164.28 số tiền 30.100.000 đồng và chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Nija số tiền 4.800.000 đồng. Tổng cộng là 67.100.000 đồng, chia đều mỗi bị cáo phải bồi thường 33.550.000 đồng. Buộc các bị cáo Trần Thế A, Trần Văn D và Đặng Thùy D liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Vũ Quang T trị giá chiếc Lô gô gắn mắt Camera lùi nhãn hiệu Ford số tiền 3.600.000 đồng, chia đều mỗi bị cáo 1.200.000 đồng. Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; buộc các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền trên cho các bị hại.

[10] Quá trình điều tra, ngày 29/7/2019, Cơ quan điều tra Công an thành phố L đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu YamahaJupiter RC, biển kiểm soát 12P1- 224.23 và xe máy điện nhãn hiệu 133S cho chị Trương Thị N; trả Logo nhãn hiệu Ford Range có gắn camera cho anh Vũ Quang T; trả xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150, biển kiểm soát 12P1- 199.91 cho anh Lương Hoàng L. Các bị hại Trương Thị N và Lương Hoàng L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử xác nhận.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy đối với những vật chứng là công cụ phạm tội và số ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 03 điện thoại di động (01 chiếc NOKIA 6300 của Trần Văn D, 01 chiếc SAMSUNG GALAXY A7 của Trần Thế A, 01 chiếc IPHONE 6 của Đặng Thùy D) đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Trả lại cho Đặng Thùy D 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG MODEL GT-C35290 và Trần Văn D số tiền 1.420.000 đồng, nhưng tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án. Tịch thu 2.958.000 đồng đã thu của bị cáo Trần Thế A, đây là tiền do phạm tội mà có để sung Ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: Mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Thế A phải bồi thường 34.750.000 đồng $\times 5\% = 1.737.500$ đồng và bị cáo Nguyễn Nam H phải bồi thường 33.550.000 đồng $\times 5\% = 1.677.500$ đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bị cáo Trần Văn D và Đặng Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[13] Đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và các vấn đề khác khi giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[15] Đối với Trần Văn D có hành vi cùng Đặng Thùy D và Trần Thế A sử dụng trái phép chất ma túy trong khi cùng đi lên thành phố L trộm cắp tài sản vào ngày 19/7/2019, nhưng Trần Văn D không biết việc mua ma túy để sử dụng của Đặng Thùy D và Trần Thế A. Bản thân Trần Văn D chỉ biết có ma túy khi Trần Thế A đưa cho sử dụng, do vậy Trần Văn D không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Trần Thế A và Đặng Thùy D. Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an thành phố L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Văn D là có căn cứ.

[16] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đặng Thùy D tại khu vực chợ L, quận H, thành phố Hà Nội, do Đặng Thùy D không biết nhân thân, lai lịch của đối tượng, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý trong vụ án.

[17] Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra các bị cáo khai nhận còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Lào Cai, Hải Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra các đơn vị trên điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

[18] Đối với chiếc xe ô tô hiệu SuZuki các bị cáo sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố L vào ngày 29/5/2019 lắp biển kiểm soát 29D- 019.85 và ngày 29/6/2019 lắp biển kiểm soát 29D - 636.59, Trần Thế A khai đã bán xe cho một người đàn ông không quen biết khoảng tháng 7 năm 2019; do Trần Thế A không biết nhân thân, lai lịch của đối tượng, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được để xử lý chiếc xe theo quy định.

[19] Đối với xe ô tô tải hiệu Hyundai Porter II biển kiểm soát 30U – 9451 các bị cáo dùng làm phương tiện trộm cắp tài sản ngày 20/7/2019, quá trình điều tra xác định xe ô tô này là tang vật trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra tại địa bàn thành phố H, tỉnh Hải Dương, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H xử lý theo quy định.

[20] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; Điều 55; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thế A. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; Điều 55; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Thùy D. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Nam H. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn D. Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587; Điều 589; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Nam H, Trần Văn D và Đặng Thùy D phạm tội Trộm cắp tài sản; bị cáo Trần Thế A và Đặng Thùy D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt Trần Thế A 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hình phạt chung cho cả 02 tội là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 20/7/2019.

- Xử phạt Đặng Thùy D 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản; 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hình phạt chung cho cả 02 tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 20/7/2019.

- Xử phạt Trần Văn D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 20/7/2019.

- Xử phạt Nguyễn Nam H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/7/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

3.1. Buộc các bị cáo Trần Thế A và Nguyễn Nam H phải liên đới bồi thường cho chị Bé Kim C 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); anh Nguyễn Tuấn Đ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng); chị Hoàng Thị Thu H 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng); chị Đinh Thị H 34.900.000 đồng (ba mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 67.100.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng), chia đều mỗi bị cáo phải bồi thường 33.550.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3.2. Buộc các bị cáo Trần Thế A, Trần Văn D và Đặng Thùy D phải liên đới bồi thường cho anh Vũ Quang T số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), chia đều mỗi bị cáo phải bồi thường 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.3. Xác nhận Cơ quan điều tra Công an thành phố L đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu YamahaJupiter RC, biển kiểm soát 12P1- 224.23 và xe máy điện nhãn hiệu 133S cho chị Trương Thị N; trả Logo nhãn hiệu Ford Range có gắn camera cho anh Vũ Quang T; trả xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150, biển kiểm soát 12P1- 199.91

cho anh Lương Hoàng L. Các bị hại Trương Thị N và Lương Hoàng L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì đã niêm phong; 01 dây kim loại dài 44cm; 01 tấm kim loại dài 02m, rộng 24cm; 01 thang kim loại dài 1m 40, rộng 40cm; Biên kiểm soát 29D-636.59; Biên kiểm soát 30U-9451; 02 kim cộng lực dài 46cm (màu vàng, màu đen); 01 kim cộng lực màu đen dài 33cm; 01 kim thủy lực màu vàng dài 41cm; 01 kim thủy lực màu cam dài 51cm; 01 cửa kim loại màu xanh dài 46cm, lưỡi cửa dài 38cm; 01 chiếc túi vải màu đen, có khóa ngoài, KT 14 x 7,5cm; 01 thanh kim loại hình “L” dài 4,5cm; 02 thanh kim loại hình “L” dài 5,5cm; 02 thanh kim loại hình “L” dài 6,5cm; 04 thanh kim loại hình “L” dài 07cm; 03 thanh kim loại hình “L” dài 08cm; 01 thanh kim loại hình “L” dài 06cm; 02 thanh kim loại hình “L” dài 09cm; 03 thanh kim loại hình “L” dài 10cm; 03 thanh kim loại hình “L” dài 11,5cm; 01 thanh kim loại dài 08cm; 01 kẹp kim loại dài 12cm, một đầu nhọn; 04 xi lanh; 01 lọ novocain; 01 tua vít dài 41cm; 01 túi xách bằng bạt, màu xanh dài 48cm, rộng 23cm.

- Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A7, màu vàng, số IMEI1: 355758088066422; số IMEI2: 355759088066420; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6300, màu vàng, số IMEI1: 3564150215033300667788, IMEI2: 355759088066420; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu trắng có vỏ ốp màu hồng, số IMEI: 3569590636688789.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Thùy D 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG MODEL GT-C35290, màu hồng, số IMEI: 359546047690226.

- Tịch thu đối với bị cáo Trần Thế A số tiền 2.958.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho bị cáo và Trần Văn D 1.420.000 đồng (số tiền đựng trong 01 phong bì thư cũ, được niêm phong sau giám định), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn được mô tả chi tiết tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

5. Về án phí: Các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Nam H, Trần Văn D và Đặng Thùy D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Thế A phải chịu 1.737.500 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), Nguyễn Nam H phải chịu 1.677.500 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng), bị cáo Trần Văn D và Đặng Thùy D mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng

mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Sinh